

CĂN CỐ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TÀI CHÍNH PHÙ HỢP ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC XÃ

NGUYỄN VĂN TẠO*

1. Vị trí, vai trò và chính sách khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác xã

Nhận thức được tầm quan trọng của kinh tế tập thể đối với phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xoá đói giảm nghèo và giảm bất bình đẳng về thu nhập giữa các tầng lớp dân cư; kể từ Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ III tháng 9 năm 1960, Đảng và Nhà nước đã chủ trương xây dựng và phát triển kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác xã (HTX), với các loại hình chủ yếu là HTX nông nghiệp, HTX mua bán, HTX tín dụng, là “ba ngọn cờ hồng” ở nông thôn miền Bắc Việt Nam. Đến cuối năm 1960, với 41.400 HTX, thu hút 85,83% tổng số hộ nông dân, kinh tế HTX đã góp phần không nhỏ cho phát triển kinh tế ở Miền Bắc, chi viện người và của cho chiến trường Miền Nam.

Sau khi nước nhà thống nhất, ở miền Bắc, Đảng, Nhà nước đã chủ trương tổ chức lại HTX theo hướng tập trung, chuyên môn hoá, cơ giới hoá, mở rộng quy mô và thống nhất quản lý, năm 1979 đã có 4.154 HTX quy mô toàn xã; ở Miền Nam, sau cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp đến tháng 7/1980, đã có 1.518 HTX nông nghiệp và 9.350 tập đoàn sản xuất, thu hút 35,6% hộ

nông dân; về cải tạo công nghiệp và thủ công nghiệp đã có 1.600 HTX gia công, 500 HTX tiểu thủ công, 4000 tổ đoàn kết sản xuất (Vũ Như Khôi, 2006).

Từ khi Việt Nam bước vào kinh tế thị trường, do không thích nghi với cơ chế mới, hầu hết HTX đã phải ngừng hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng. Khi đánh giá về kinh tế HTX, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá V tại Đại hội đại biểu Ban Chấp hành Trung ương khoá VI năm 1986 do Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày, đã nêu: “... *Đã có những biểu hiện nóng vội muốn xoá bỏ ngay các thành phần phi xã hội chủ nghĩa, nhanh chóng biến kinh tế tư nhân thành kinh tế quốc doanh, đối với kinh tế tiểu sản xuất hàng hoá, ít chú ý đến đặc điểm về tính chất của từng ngành, từng nghề để lựa chọn hình thức thích hợp, có xu hướng muốn tổ chức ngay các HTX có quy mô lớn, không tính đến khả năng trang bị kỹ thuật, trình độ quản lý và năng lực cán bộ; cách làm thường theo kiểu chiến dịch, gò ép, chạy theo số lượng, coi nhẹ chất lượng và hiệu quả; sau những đợt làm nóng vội lại buông lỏng. Do đó, không ít các tổ chức được*

* Nguyễn Văn Tạo, Tập thể Ngân hàng, Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội.

coi là công tư hợp doanh, hợp tác xã và tổ hợp tác sản xuất chỉ có hình thức, không có thực chất quan hệ sản xuất mới...”.

Sau khi có Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ 6 và các kỳ đại hội tiếp theo, mặc dù kinh tế tập thể trải qua những bước thăng trầm nhưng Đảng và Nhà nước luôn có chính sách khuyến khích phát triển kinh tế tập thể, là con đường duy nhất để phát huy tinh thần tương trợ cộng đồng, góp phần xóa đói giảm nghèo, bảo vệ quyền lợi cho nông dân, thợ thủ công, người có thu nhập thấp trong xã hội và cạnh tranh có hiệu quả với thành phần kinh tế khác trong nền kinh tế thị trường.

Thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-TW ngày 13/2/2002 của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX “Về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể” là đường lối phát triển kinh tế HTX, ngày 26/11/2003 Quốc hội đã thông qua Luật HTX 2003 nhằm bổ sung, sửa đổi Luật HTX 1996. Chính phủ đã lần lượt ban hành nhiều văn bản để triển khai Luật HTX 2003, đặc biệt là Nghị định số 88/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX thay cho Nghị định số 15/CP ngày 21/2/1997. Ngày 31/10/2005, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 272/2005/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể 5 năm (2006-2010). Để hướng dẫn thực hiện Nghị định số 88/2005/NĐ-CP của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 02/2006/TT-BKH ngày 13/2/2006 về một số điều khoản trong Nghị định; Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 66/2006/TT-BTC ngày 17/7/2006 về chế độ tài chính hỗ trợ các sáng lập viên HTX chuẩn bị thành lập, các

đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của HTX. Đặc biệt, ngày 27/10/2006 Chính phủ ban hành Quyết định số 246/2006/QĐ-TTg về việc thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển HTX để hỗ trợ cho các hoạt động đối với việc phát triển sản phẩm, đổi mới công nghệ, kỹ thuật; phát triển thị trường, mở rộng tiêu thụ sản phẩm; xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác xã, liên hiệp HTX mới, mô hình hợp tác xã điển hình. Quỹ hỗ trợ phát triển HTX là một tổ chức tài chính nhà nước do Liên minh HTX Việt Nam quản lý, vốn điều lệ được nhà nước cấp là 100 tỷ đồng. Đây được coi là một quyết định có hiệu quả trong việc hỗ trợ kinh tế tập thể mà nòng cốt là phát triển HTX.

Theo thống kê, đến cuối tháng 6/2007, cả nước có 17.599 HTX các loại và 320.000 tổ hợp tác; khu vực kinh tế tập thể thu hút khoảng 12,5 triệu lao động, chiếm 35% tổng số lao động trên cả nước, tạo công ăn việc làm cho khoảng 47-50 triệu người (Giang Thu, 2007), đóng góp khoảng 7,11% GDP; so với năm 2002 (trước khi Luật HTX sửa đổi, bổ sung được Quốc hội thông qua) là 14.361 HTX (Nguyễn Sinh Cúc, 2007), tăng 18,39%. Kinh tế HTX cũng đóng góp đáng kể cho phát triển kinh tế- xã hội ở nông thôn: 57,4% HTX hỗ trợ cho các hộ xã viên nghèo, 88,3% HTX đóng góp cho việc phát triển giao thông nông thôn, 44,4% HTX đóng góp cho phát triển giao thông nội đồng, 84% HTX đóng góp xây dựng hệ thống thủy lợi (Giang Thu, 2007). Được sự hỗ trợ của Nhà nước, Liên minh HTX các cấp, các Hiệp hội HTX đã tổ chức các lớp đào tạo để nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ HTX, tổ chức các hình thức tiếp thị bằng các cuộc hội chợ, trưng bày sản phẩm, giúp cho HTX tiêu thụ được sản phẩm; số HTX khá, giỏi hiện chiếm 42,1% tăng 0,48%, số

HTX trung bình chiếm 44,82%, tăng 2,61%, số HTX yếu kém còn 13,08%, giảm 3,05% so với cùng kỳ năm 2006.

2. Một số yếu kém, bất cập của kinh tế HTX

Kết quả điều tra của Tổng cục Thống kê trong năm 2005 cho thấy, mặc dù sau 20 năm thực hiện Đổi mới nhưng đối với kinh tế HTX nhất là HTX nông nghiệp cũng còn không ít khó khăn, bất cập; chất lượng hoạt động và quản lý của nhiều HTX còn thấp, hầu hết HTX kiểu mới đều trong tình trạng thiếu vốn, cơ sở vật chất vừa thiếu vừa lạc hậu, không đủ để triển khai và mở rộng các hoạt động dịch vụ; thiếu cán bộ có năng lực quản lý và điều hành các hoạt động dịch vụ; phương hướng hoạt động kinh doanh không ổn định; hiệu quả kinh tế và sức hấp dẫn của các HTX nông nghiệp kiểu mới chưa cao và không đồng đều; thu nhập của lao động còn thấp; vai trò, vị trí HTX nông nghiệp chưa được thể hiện trong thực tế (Nguyễn Sinh Cúc, 2007).

Mặc dù Chính phủ đã có quyết định thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX trong một số lĩnh vực nhất định. Nhu cầu vốn đầu tư cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và làm dịch vụ của HTX chủ yếu phải dựa vào vốn vay ngân hàng. Việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng đối với kinh tế HTX hiện nay còn nhiều khó khăn, do không có tài sản thế chấp để đảm bảo tiền vay. Trình độ lập dự án của HTX còn rất hạn chế, thủ tục vay vốn phức tạp cũng là những yếu tố cản trở tiếp cận vốn với ngân hàng.

Để thực hiện có kết quả Quyết định số 272/2005/QĐ-TTg ngày 31/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phát

triển kinh tế tập thể 5 năm (2006-2010), theo đó tại Khoản c Điểm 6 đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Chính phủ yêu cầu: *“Tập trung vốn cho xã viên vay để đầu tư và phát triển sản xuất, kinh doanh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và mở rộng ngành nghề. Liên kết tạo vốn cho các hợp tác xã trên cùng địa bàn phát triển sản xuất kinh doanh”*; tại Khoản d, Điểm 6 tại quyết định trên: *“Xây dựng và phát triển hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân từ Trung ương đến cơ sở vững mạnh theo hướng liên kết chặt chẽ, tiến tới xây dựng ngân hàng hợp tác xã; gắn kết chặt chẽ giữa hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân với các hợp tác xã khác...”*. Đây là chủ trương phát triển kinh tế hợp tác xã toàn diện, bền vững của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, để biến chủ trương tốt đẹp đó thành hiện thực, việc nâng cao năng lực tài chính cho hệ thống Quỹ Tín dụng nhân dân (QTDND) đặc biệt là Quỹ tín dụng Trung ương (QTDTU) đang là đòi hỏi cấp thiết do đối tượng vay vốn không chỉ là các thành viên là các hộ nông dân, dân nghèo và cho vay trong hệ thống mà được mở rộng đến tất cả các loại hình HTX khác.

Theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), đến cuối tháng 6/2007 có 965 QTDND cơ sở trên địa bàn 55 trong số 64 tỉnh, thành phố và QTDTU với 24 Chi nhánh đặt tại một số tỉnh, thành phố có nhiều QTD cơ sở để điều hoà vốn, cung ứng vốn kịp thời cho QTD cơ sở. Tuy nhiên, vốn điều lệ của toàn hệ thống hiện chỉ mới đạt 641 tỷ đồng, trong đó QTDTU là 112 tỷ đồng (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2007); chỉ xấp xỉ vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP) loại trung bình (như NHTMCP Sài Gòn Công thương đã đạt 689 tỷ đồng, tính đến 6/2/2007). Chỉ sau một

thời gian ngắn, nhiều NHTMCP khác có tốc độ tăng vốn một cách vượt trội, điển hình như NHTMCP Sài Gòn Thương Tín đã đạt gần 4,5 ngàn tỷ đồng. Trong lúc đó, sau 12 năm thành lập, vốn điều lệ của QTDTƯ không tăng, nguyên nhân chính là QTDTƯ phải dành phần lớn nguồn vốn để cho vay QTD thành viên với lãi suất thấp hơn lãi suất cho vay ngoài thành viên từ 0,2-0,25 điểm % tính theo lãi suất thị trường. Dư nợ cho vay trong hệ thống hàng năm chiếm trên 50% trong tổng dư nợ của QTDTƯ. Nguồn vốn vay của QTDTƯ năm 2006 chiếm tỷ trọng 20,94% trong tổng số dư nợ của QTD cơ sở; mặc dù có sự tăng trưởng về nguồn vốn nhưng lợi nhuận của QTDTƯ thường đạt thấp, năm 2006 đạt lợi nhuận trước thuế là 16 tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận trên tổng nguồn vốn (ROA) chỉ đạt 0,35%, tỷ suất lợi nhuận trên vốn (ROE) chỉ đạt 14%, thấp hơn nhiều so với các NHTMCP khác. Do vốn điều lệ thấp, để đảm bảo chỉ tiêu an toàn vốn theo quy định của NHNN nên QTDTƯ không thể mở rộng đầu tư các dự án có số vốn vay lớn mà chủ yếu cho vay tiêu dùng cá nhân hoặc các doanh nghiệp nhỏ và vừa, dẫn đến chi phí hoạt động cao, kết quả lợi nhuận đạt thấp nên chia cổ tức chỉ đạt 0,24% trên số vốn góp. Trong khi đó, các NHTMCP chia cổ tức cho các cổ đông từ 15-20% cao hơn lãi suất huy động tiền gửi (thậm chí có NHTMCP chia cổ tức lên đến 56%). Đó là nguyên nhân chủ yếu khiến đến nay chưa có quỹ tín dụng (QTD) cơ sở nào có ý định mua lại vốn cổ phần của nhà nước tại QTDTƯ. Mặc dù Đại hội thành viên QTDTƯ đã có nghị quyết tăng thêm vốn góp từ 10 triệu đồng hiện nay lên 20 triệu đồng, nhưng điều này không thực hiện được do nhiều QTD có mức vốn điều lệ thấp.

Các hợp tác xã còn nhiều yếu kém khác, nhất là nội lực, được thể hiện ở các khía cạnh như:

- Thu nhập bình quân của HTX còn thấp so với các loại hình doanh nghiệp khác;
- Trình độ công nghệ, cơ sở vật chất kỹ thuật lạc hậu, giá thành sản phẩm cao;
- Công tác xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm hàng hoá, tiếp thị còn yếu kém, nhất là ở khu vực nông thôn; và
- Loại hình dịch vụ còn ít, việc phát triển các ngành nghề khác như gia công, chế biến, đại lý thu mua, tiêu thụ hàng hoá còn khó khăn.

Các nguyên nhân chính khiến vai trò của kinh tế tập thể chưa tương xứng với tiềm năng và đòi hỏi phát triển kinh tế - xã hội là:

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên, các cấp, các ngành về vai trò của kinh tế tập thể chưa đầy đủ; công tác tuyên truyền, vận động quần chúng chưa coi trọng; và
- Những mặc cảm nặng nề đối với mô hình HTX kiểu cũ còn tồn tại trong một bộ phận nhân dân.

3. Kiến nghị và giải pháp

Để thực hiện Khoản c và d tại Điểm 6, Quyết định số 272/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng như đã nêu và đáp ứng quy định tại Nghị định số 141/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006 của Chính phủ về vốn pháp định của các tổ chức tín dụng, trong đó QTDTƯ phải đạt 1.000 tỷ đồng vào năm 2008 và 3.000 tỷ đồng vào năm 2010, tác giả xin có một số kiến nghị sau:

Thứ nhất, đề nghị sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2003 tại Khoản 5, Điều 20 về tổ chức tín dụng hợp tác như sau: “Tổ chức tín dụng HTX là tổ chức kinh doanh tiền tệ và làm dịch vụ ngân hàng do các tổ chức là các HTX, tổ chức khác, cá nhân và hộ gia đình tự nguyện thành lập để hoạt động ngân hàng theo quy định tại Luật này và Luật Hợp tác xã nhằm mục tiêu chủ yếu là tương trợ nhau giữa các thành viên. Tổ chức tín dụng HTX gồm có: Ngân hàng phát triển HTX, QTDND và các hình thức khác”.

Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 48/2001/NĐ-CP và Nghị định số 69/2005/NĐ-CP các điều khoản cho phù hợp với định nghĩa đề xuất trên. Đối với QTDTU, theo Khoản 4, Nghị định số 48/2001/NĐ-CP của Chính phủ: “Ngân hàng phát triển HTX là tổ chức tín dụng hợp tác do các QTDND cơ sở và các Liên hiệp HTX cùng nhau thành lập nhằm mục đích hỗ trợ và nâng cao hiệu quả hoạt động của cả hệ thống QTDND và các loại hình HTX”, cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với định nghĩa, chức năng, nhiệm vụ mới; từng bước chuyển đổi hệ thống QTDND trở thành tổ chức tài chính của khu vực kinh tế HTX.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2005/TT-NHNN ngày 30/12/2006 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 48/2001 và Nghị định số 69/2005 như sau:

- Vốn điều lệ của QTDND bao gồm: cổ phần xác lập và cổ phần thường xuyên; cổ phần xác lập là số vốn góp tối thiểu đối với cá nhân là 200 ngàn đồng, đối với tổ chức là 1 triệu đồng; cổ phần xác lập không được hưởng lãi, được vay vốn và thụ hưởng quyền

lợi theo quy định của điều lệ; cổ phần thường xuyên là vốn góp để hoạt động kinh doanh tiền tệ, tín dụng và dịch vụ ngân hàng cho QTDND, được hưởng cổ tức theo kết quả kinh doanh, quy định điều lệ và Nghị quyết của Đại hội thành viên thường niên.

- Vốn điều lệ của Ngân hàng Phát triển hợp tác xã (NHPTHTX) gồm: vốn góp của các QTDND, Liên hiệp HTX, các tổ chức khác; nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước và các Ngân hàng thương mại. Vốn góp vào NHPTHTX bao gồm: cổ phần xác lập tối thiểu 10 triệu đồng để xác nhận tư cách thành viên, không được hưởng lãi, được vay vốn, hưởng các quyền lợi khác theo quy định của điều lệ; cổ phần thường xuyên là vốn góp vào NHPTHTX để hoạt động kinh doanh tiền tệ, tín dụng và dịch vụ ngân hàng, được hưởng cổ tức hàng năm theo kết quả kinh doanh, quy định của điều lệ và nghị quyết của Đại hội thành viên thường niên.

Khái niệm về cổ phần xác lập và cổ phần thường xuyên đã được quy định tại Điều 9, Chương III về quy chế tổ chức hoạt động của QTDND tại Quyết định số 155/QĐ-NH5 ngày 16/8/1993 của Thống đốc NHNN ban hành theo Quyết định số 390/TTg ngày 27/7/1993 của Thủ tướng Chính phủ, đây cũng là một trong những nội dung chuyển giao kỹ thuật khi triển khai thí điểm thành lập QTDND; nhưng vì nhiều lý do khác nhau, định nghĩa về vốn điều lệ của QTDND có nhiều thay đổi so với trước đây.

Thứ ba, Chính phủ nên cấp bổ sung vốn điều lệ cho QTDTU từ 2.000 tỷ đến 3.000 tỷ đồng.

Để phát triển kinh tế HTX, Đảng và Nhà nước đã và đang sử dụng nhiều công cụ khác nhau: từ việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý, chỉ đạo của các tổ chức chính trị xã hội và các chính sách khác. Việc Nhà nước cấp bổ sung vốn điều lệ cho QTDĐT không chỉ là yêu cầu bức thiết hiện nay và có ý nghĩa quan trọng, đó là:

- Để hệ thống QTDND có thể trở thành một tổ chức tín dụng không những đủ khả năng cung ứng vốn cho các thành viên QTDND và các tổ chức trong hệ thống mà còn mở rộng cho vay vốn cho các HTX khác nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế HTX; không chỉ giúp cho hơn 1 triệu thành viên QTDND phát triển sản xuất, kinh doanh mà còn gián tiếp giúp cho gần 14 triệu xã viên và gia đình họ thông qua các HTX, là giải pháp hiệu quả nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, xoá đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng.

- Liên kết về tài chính, sự hỗ trợ nhau để tạo được sức mạnh tổng hợp trong khu vực kinh tế HTX, đủ sức cạnh tranh với các thành phần kinh tế khác, góp phần thúc đẩy tăng trưởng GDP, tương xứng với vị trí, vai trò của kinh tế tập thể.

4. Kết luận

Việt Nam đã trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) gần một năm, song kinh tế HTX Việt Nam vốn còn yếu kém về nhiều mặt. Để giúp cho các HTX tồn tại, phát triển, Nhà nước cần luôn luôn là “bà đỡ” cho kinh tế tập thể vươn lên, trưởng thành để góp phần thực hiện “đưa Việt Nam vững bước tiến lên trên con đường công

ng nghiệp hoá, hiện đại hoá, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”; đó là mục tiêu, nhiệm vụ và chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2006-2010 được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng thông qua, đáp ứng nguyện vọng của các xã viên hợp tác xã và gia đình họ, chiếm gần 60% dân số trong cả nước.

Mong rằng những ý kiến trên được các cơ quan chức năng xem xét và ban đọc cùng trao đổi để tìm ra những giải pháp phù hợp, nhằm thúc đẩy kinh tế HTX phát triển nhanh chóng và bền vững như Nghị quyết số 13/NQ-TW ngày 13/2/2002 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX và Quyết định số 272/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Giang Thu (2007), “Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết TW 5 khoá IX- kinh tế tập thể góp phần quan trọng trong đời sống kinh tế- xã hội”, Báo *Kinh tế hợp tác* số 38, ra ngày 20-26/9/2007.
2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2007), “Báo cáo tình hình hoạt động của hệ thống QTDND đến 30/6/2007”.
3. Nguyễn Sinh Cúc (2007), “Nông thôn Việt Nam sau 20 năm đổi mới và những vấn đề đặt ra”, Tạp chí *Nông nghiệp và phát triển nông thôn* kỳ 2 tháng 4/2007.
4. CN (2007), “Thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm để thúc đẩy KTTT phát triển”, Báo *Kinh tế hợp tác* số 29, ra ngày 19-25/7/2007.
5. Vũ Như Khôi (2006), Đảng Cộng sản Việt Nam với công cuộc đổi mới và hội nhập, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, tháng 2.
6. Số liệu thống kê trên website www.vca.org.vn